

BẢNG TÍNH CHI TIẾT ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM DANH MỤC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ XÃ ĐỨC THỌ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND xã Đức Thọ)

STT	Địa chỉ nhà, đất	Số thứ tự thửa đất, tờ bản đồ	Địa chỉ thửa đất	Vị trí tại bảng giá đất theo NQ 176	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn sử dụng (S=m2)	Đơn giá thuê đất hàng năm theo quy định pháp luật đất đai (Gtd=đồng/năm)	Mức hao mòn hằng năm (Ghm=đồng/năm)	Chi phí quản lý, khai thác nhà đất (đồng/năm) {k=10%}	Đơn giá thuê nhà (đồng/m2/năm) Gt=[(Ghm+Ttd)/S] *(100%+k)	Giá thuê hàng năm (đồng/năm)	Ghi chú
Tổng cộng					70,743.8	13,980		1,166,365,004			3,469,191,421	13,941,715
1	UBND xã Hòa Lạc (điểm Đức Lạc cũ), thôn Thượng Tiến, xã Hòa Lạc	Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 223	Thôn Thượng Tiến, xã Đức Thọ	Đường TL 552: Đoạn tiếp đó đến hết xã Đức Thọ	5,858.30	950.00	8,292	158,010,468	10%	239,208	227,248,019	11,362,401
2	Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ (điểm Trung tâm Dân số KHHGD cũ), tổ dân phố 5, thị trấn Đức Thọ	Thửa đất số 394, tờ bản đồ số 11	Thôn 5, xã Đức Thọ	Đường hoài nhơn, Đoạn 3: Tiếp đó đến chân phía Bắc đường sắt	1,082.60	288.00	38,700	5,000,000	10%	179,119	51,586,282	2,579,314
3	Nhà khách Sông La Thôn 8 xã Đức Thọ	Thửa đất số 312, tờ bản đồ số 21	Thôn 8, xã Đức Thọ	Đường Yên Trung, Đoạn 2: Tiếp đó đến vòng xuyên	11476.8	3265	49,326	345,826,216	10%	307,236	1,003,124,283	50,156,214
4	Phòng Giáo dục Đào tạo huyện Đức Thọ, ngõ 139, đường Yên Trung, tổ dân phố 7, thị trấn Đức Thọ	Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 15	Thôn 7 xã Đức Thọ	Các vị trí còn lại tại các thôn 1,2,3,4,5,6,7,8: Các đường còn lại trong các thôn 5, 7, 8.	2348.3	632	15,120	131,663,054	10%	290,959	183,886,285	9,194,314
5	UBND xã Tân Dân (điểm Đức Long cũ), thôn Lộc Phúc, xã Tân Dân	Thửa đất số 188, tờ bản đồ số 86	Thôn Lộc Phúc, xã Đức Thọ	Đường TL 552: Đoạn tiếp đó đến cầu Cổ Bá	9763.6	1100	15,391	46,000,000	10%	196,272	215,899,736	10,794,987
6	Trường Tiểu học Tùng Anh, thôn Dương Tượng, xã Tùng Anh	Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 153	Thôn Dương Tượng, xã Đức Thọ	Đường dọc kênh Linh Cảm (từ cầu kênh Linh Cảm đến đường Phan Đình Phùng (Cầu Dương Tượng)	10252.1	1410	2,215	16,000,000	10%	30,200	42,581,304	2,129,065
7	Thủ y xã Đức Thọ thôn 5 xã Đức Thọ	Thửa đất số 409, tờ bản đồ số 11	Thôn 5, xã Đức Thọ	Đường hoài nhơn, Đoạn 3: Tiếp đó đến chân phía Bắc đường sắt	601.1	392	38,700	1,970,747	10%	70,808	27,756,648	1,387,832
8	Trạm truyền giống thôn Cầu đôi xã Đức Thọ	Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 67	Thôn Cầu Đôi, xã Đức Thọ	Dãy 4, 5 Quốc lộ 8A thuộc vùng quy hoạch khu vực Cầu Đôi, Thịnh Cường).	6144.4	360	10,143	1,950,000	10%	196,384	70,698,243	3,534,912
9	KBNN Đức Thọ (cũ) thôn 4 xã Đức Thọ	Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 11	Thôn 4, xã Đức Thọ	Đường yên trung,Đoạn 1: Đường từ Đê La Giang đến hết đất Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đức Thọ	1429.8	665	67,500	23,716,750	10%	198,874	132,251,075	6,612,554
10	Chi cục thuế huyện Đức Thọ (cũ), thôn 5 xã Đức Thọ	Thửa đất số 424, tờ bản đồ số 11	Thôn 5, xã Đức Thọ	Đường yên trung,Đoạn 1: Đường từ Đê La Giang đến hết đất Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đức Thọ	2419.1	751	47,998	66,754,760	10%	267,846	201,152,116	10,057,606
11	Viện kiểm sát khu vực 3 cơ sở 5 thôn 7 xã Đức Thọ	Thửa đất số 407, tờ bản đồ số 11	Thôn 7, xã Đức Thọ	Đường yên trung,Đoạn 1: Đường từ Đê La Giang đến hết đất Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đức Thọ	3435.7	598	55,331	27,153,730	10%	399,634	238,980,863	11,949,043
12	Chi cục thi hành án thôn 7 xã Đức Thọ	Thửa đất số 390, tờ bản đồ số 11	Thôn 7, xã Đức Thọ	Đường yên trung,Đoạn 1: Đường từ Đê La Giang đến hết đất Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đức Thọ	519.5	222	58,500	4,542,220	10%	173,091	38,426,267	1,921,313
13	Trạm y tế xã Đức Lạc, thôn Thượng Tiến, xã Hòa Lạc	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 223	Thôn Thượng Tiến, xã Đức Thọ	Đường TL 552: Đoạn tiếp đó đến hết xã Đức Thọ)	2659.7	407	8,590	32,000,000	10%	148,238	60,332,800	3,016,640

STT	Địa chỉ nhà, đất	Số thứ tự thửa đất, tờ bản đồ	Địa chỉ thửa đất	Vị trí tại bảng giá đất theo NQ 176	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn sử dụng (S=m2)	Đơn giá thuê đất hàng năm theo quy định pháp luật đất đai (Gtd=đồng/năm)	Mức hao mòn hằng năm (Ghm=đồng/năm)	Chi phí quản lý, khai thác nhà đất (đồng/năm) {k=10%}	Đơn giá thuê nhà (đồng/m2/năm) Gt=[(Ghm+Ttd)/S] *(100%+k)	Giá thuê hàng năm (đồng/năm)	Ghi chú
14	Huyện ủy Đức Thọ	Thửa đất số 378, tờ bản đồ số 11	Thôn 5, xã Đức Thọ	Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Đoạn 1: Đường từ Quốc lộ 15A đến đường Hoài Nhơn).	9554	2246.3	43,116	274,370,620	10%	336,078	754,932,068	37,746,603
15	Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15	Thôn 7, xã Đức Thọ	Đường yên trung,Đoạn 1: Đường từ Đê La Giang đến hết đất Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đức Thọ	3198.8	694	52,801	31,406,440	10%	317,486	220,335,434	11,016,772